



**PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU  
PHILLYCLAD 1775/620TS RESIN**

**PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp**

**Nhận dạng sản phẩm**

**Tên sản phẩm** PHILLYCLAD 1775/620TS RESIN

**Số hiệu sản phẩm** 3461R

**Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên**

**Mục đích sử dụng đã được xác định** Nhựa.

**Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu**

**Nhà cung cấp**

ITW Performance Polymers  
Bay 150  
Shannon Industrial Estate  
Co. Clare  
Ireland  
V14 DF82  
353(61)771500  
353(61)471285  
mail@itwpp.com

**Số điện thoại khẩn cấp**

**Số điện thoại khẩn cấp** +44(0)1235 239 670 (24h)

**PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại**

**Phân loại chất hoặc hỗn hợp**

**Nguy hại vật chất** Không xếp loại

**Nguy hại về sức khỏe** Kích ứng da loại 2 - H315 Kích ứng mắt loại 2 - H319 Mẫn cảm da loại 1 - H317

**Nguy hại về môi trường** Mãn tính thủy sinh loại 2 - H411

**Môi trường**

Sản phẩm này chứa một chất độc hại đối với sinh vật thủy sinh và có thể gây tác hại lâu dài cho môi trường thủy sinh.

**Thành phần nhân**

**Hình đồ**



**Từ cảnh báo**

Cảnh báo

## PHILLYCLAD 1775/620TS RESIN

<b>Câu cảnh báo nguy cơ</b>	H315 Gây kích ứng da. H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da. H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.
<b>Câu phòng ngừa</b>	P273 Tránh thải ra môi trường. P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ. P302+P352 <b>NEÛ DÍNH VÀO DA:</b> Rửa sạch với nhiều nước. P305+P351+P338 <b>NEÛ DÍNH VÀO MẮT:</b> Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa. P333+P313 Nếu thấy da bị kích ứng hoặc mẫn: Tìm hỗ trợ y tế/ tìm sự trợ giúp.
<b>Thông tin nhãn bổ sung</b>	EUH205 Chứa thành phần epoxy. Có thể gây ra phản ứng dị ứng.
<b>Bao gồm</b>	EPOXY RESIN (Number average MW <= 700 )

### Các nguy hại khác

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

### **PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần**

#### **Hỗn hợp**

<b>EPOXY RESIN (Number average MW &lt;= 700 )</b>	<b>60-100%</b>
Số CAS: 25068-38-6	
<b>Phân loại</b>	
Kích ứng da loại 2 - H315	
Kích ứng mắt loại 2A - H319	
Mẫn cảm da loại 1 - H317	
Mẫn tính thủy sinh loại 2 - H411	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

### **PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu**

#### **Mô tả các biện pháp sơ cứu**

<b>Thông tin chung</b>	Trong trường hợp tai nạn hay thấy không được khỏe, tìm tư vấn y tế ngay lập tức (cho họ xem nhãn nếu có thể).
<b>Sự hít phải</b>	Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Khi khó thở, có thể cần đến oxy. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.
<b>Sự ăn phải</b>	Rửa sạch miệng với nước. Uống nhiều nước. Uống sữa thay nước nếu có. Tiếp tục quan sát người bị ảnh hưởng. Không cố nôn ra. Nếu bị nôn mửa, đầu phải được giữ thấp để chất nôn không chảy vào phổi. Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức. Đưa Phiếu Dữ liệu An toàn này cho nhân viên y tế.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Cởi quần áo bị nhiễm hóa chất ngay lập tức và rửa da với xà phòng và nước. Rửa ngay với nhiều nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Rửa ngay với nhiều nước. Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa. Đưa Phiếu Dữ liệu An toàn này cho nhân viên y tế.

#### **Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính**

<b>Thông tin chung</b>	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
------------------------	--

## PHILLYCLAD 1775/620TS RESIN

### Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

**Ghi chú cho bác sĩ** Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.

### PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

#### Cách chữa cháy

**Cách chữa cháy phù hợp** Dập lửa với bọt, cacbon dioxit hoặc bột khô.

#### Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

**Những nguy hại cụ thể** Khí hoặc hơi độc hại.

#### Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

**Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy** Burns only if pre-heated. (1) Trong không gian kín hoặc thông gió kém, phải đeo mặt nạ cung cấp khí. Làm mát các thùng chứa tiếp xúc với nhiệt bằng bình xịt nước và đưa chúng ra khỏi khu vực cháy nếu có thể thực hiện một cách an toàn.

**Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa** Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

### PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn

#### Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

**Những cảnh báo cho cá nhân** Tránh hít phải hơi và tiếp xúc với da và mắt. Loại bỏ tất cả các nguồn phát lửa. Cung cấp hệ thống thông gió tốt.

#### Các cảnh báo về môi trường

**Những cảnh báo về môi trường** Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.

#### Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

**Các phương pháp lau dọn** Hấp thụ chất tràn đổ với chất liệu hấp thụ không dễ cháy. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại.

#### Tham khảo cho các phần khác

**Tham khảo cho các phần khác** Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

### PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ

#### Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

**Những lưu ý khi sử dụng** Tránh tiếp xúc với da và mắt. Avoid eating, drinking and smoking when using the product. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Quần áo và giày bị nhiễm hóa chất phải được bỏ đi.

#### Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

**Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất** Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

#### Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

**(Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng** Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

### PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

## PHILLYCLAD 1775/620TS RESIN

**Chú thích thành phần** Không có giới hạn phơi nhiễm cho các thành phần này.

### Quản lý phơi nhiễm

#### Thiết bị bảo hộ



#### Kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực. Xem tất cả các giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp của sản phẩm hoặc của các thành phần.

#### Bảo hộ mắt/mặt

Đeo kính bó sát, chống hóa chất bắn tóe hoặc khiên che mặt. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

#### Bảo hộ tay

Phải đeo găng tay chống hóa chất, chống thấm tuân theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro cho thấy việc tiếp xúc với da có thể xảy ra. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thẩm thấu ít nhất 8 giờ.

#### Bảo hộ khác cho da và cơ thể

Đeo tạp dề hoặc quần áo bảo hộ trong trường hợp tiếp xúc.

#### Các biện pháp về vệ sinh

Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc.

#### Bảo hộ cho hô hấp

Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo hộ hô hấp phù hợp. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc hơi hữu cơ. Bộ lọc khí, loại A2. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

### PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

#### Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Hình dáng bên ngoài	Chất lỏng nhớt.
Mùi đặc trưng	Gần như không mùi.
Độ pH	pH (dung dịch đậm đặc): NEUTRAL
Điểm nóng chảy	N/D°C
Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi	>260°C @
Điểm chớp cháy	>204°C
Tỷ trọng hơi	>1
Tỷ trọng tương đối	1.19 @ °C
Tính tan	Ít tan trong nước.
Thông tin khác	Không có.

### PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

**Khả năng hoạt động của chất** Axit. Chất oxy hóa mạnh.

**Mức độ ổn định của chất** Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.

**PHILLYCLAD 1775/620TS RESIN**

<b>Khả năng gây ra phản ứng nguy hại</b>	Không polyme hóa.
<b>Các tình trạng cần tránh</b>	Tránh nhiệt, ngọn lửa và các nguồn phát lửa khác.
<b>Các vật liệu cần tránh</b>	Axit mạnh. Chất oxy hóa mạnh. Kiềm - hữu cơ.
<b>Các sản phẩm cháy nguy hại</b>	When heated, vapours/gases hazardous to health may be formed.

**PHẦN 11: Thông tin về độc tính****Thông tin về tác động của độc tính**

<b>Sự hít phải</b>	Thường không gây nguy hại khi hít phải do áp suất hơi thấp của sản phẩm ở nhiệt độ môi trường xung quanh.
<b>Sự ăn phải</b>	Có thể gây khó chịu nếu nuốt phải.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Gây kích ứng nhẹ. Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Gây kích ứng cho mắt.
<b>Đường vào cơ thể</b>	Tiếp xúc với da và/hoặc mắt

**PHẦN 12: Thông tin về sinh thái**

**Độc tính môi sinh** Độc hại cho sinh vật thủy sinh, có thể gây tác động lâu dài cho môi trường thủy sinh.

**Độc tính** Very toxic to aquatic organisms.

**Độ bền vững và độ phân hủy**

**Độ bền và độ phân hủy** Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.

**Tiềm năng tích tụ sinh học**

**Khả năng tích lũy sinh học** Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.

**Tính di động trong đất**

**Tính di động** Tránh tràn đổ hoặc chảy xuống ống thoát nước, cống rãnh hoặc kênh rạch.

**Các tác động có hại khác**

**Các tác động có hại khác** Không có.

**PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ****Các biện pháp xử lý chất thải**

**Thông tin chung** Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.

**Các phương pháp thải bỏ** Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.

**Nhóm chất thải** 08 04 99

**PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển**

**Chung** Không có thông tin khác.

**SỐ UN**

**PHILLYCLAD 1775/620TS RESIN**

Số UN (Đường bộ/Đường sắt) 3082

Số UN (IMDG) 3082

Số UN (ICAO) 3082

**Tên vận chuyển chuẩn UN**

**Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt)** ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (EPOXY RESIN (Number average MW <= 700 ))

**Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (IMDG)** ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (EPOXY RESIN (Number average MW <= 700 ))

**Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (ICAO)** ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (EPOXY RESIN (Number average MW <= 700 ))

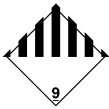
**Vận chuyển các nhóm chất nguy hại**

Nhóm Đường bộ/Đường sắt 9

Nhãn Đường bộ/Đường sắt 9

Nhóm IMDG 9

Nhóm/ mục ICAO 9

**Nhãn vận chuyển****Nhóm đóng gói**

Nhóm đóng gói Đường bộ/Đường sắt III

Nhóm đóng gói IMDG III

Nhóm đóng gói ICAO III

**Các nguy hại về môi trường**

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh

**Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng**

EmS F-A, S-F

Số xác định nguy hại (Đường bộ/Đường sắt) 90

Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và mã IBC Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

**PHẦN 15: Thông tin luật định****PHẦN 16: Thông tin khác**

Ngày sửa đổi 06/04/2018

## PHILLYCLAD 1775/620TS RESIN

**Sửa đổi** 7

**Ngày thay thế** 03/05/2016

**Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ** H315 Gây kích ứng da.  
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.  
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.  
H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.